

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29 tháng 10 năm 2020

*V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tuyết Mai.

*Các Thẩm phán:*

Ông Vũ V Giáp.

Ông Trần V Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân V (tên gọi khác Nguyễn V B), sinh năm 1973. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị C, sinh năm 1973. Có mặt  
Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân V trình bày:* Anh kết hôn với chị Đào Thị C và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh vào tháng 09/1992. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh V đến năm 1993 thì ở riêng (cùng ở thôn M, xã H). Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do chị C ghen tuông, nghe người ngoài không tin tưởng anh. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không có biện pháp

đoàn tụ, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin ly hôn chị C.

Con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1993, Nguyễn Quang Huy, sinh năm 1996 và Nguyễn Chí Công, sinh ngày 11/11/2003. Các cháu Dung, Huy đã trưởng thành, tự lập và nuôi sống được bản thân nên anh không có yêu cầu gì. Đối với cháu Công khi ly hôn anh đồng ý cho chị C nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài nội dung trên anh V không yêu cầu gì khác. Anh V cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng.

*Bị đơn chị Đào Thị C trình bày:* Chị xác nhận thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn như anh V trình bày là đúng. Chị C thừa nhận cuộc sống vợ chồng có những lúc không hiểu nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1993, Nguyễn Quang Huy, sinh năm 1996 và Nguyễn Chí Công, sinh ngày 11/11/2003. Các cháu Dung, Huy đã trưởng thành, tự lập và nuôi sống được bản thân nên chị không có yêu cầu gì. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Công và yêu cầu anh V cấp dưỡng 5 triệu đồng/tháng.

Tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài nội dung trên chị C không yêu cầu gì khác.

Từ những căn cứ trên, Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân V với chị Đào Thị C.

Không giải quyết yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2020, anh Nguyễn Xuân V kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh V đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh V trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân V và chị Đào Thị C kết hôn với nhau ngày 12/9/1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là huyện T, tỉnh Bắc Ninh), đã tuân thủ đầy đủ điều kiện kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn các đương sự sinh sống tại thôn M, xã H. Theo anh V thì mâu thuẫn phát sinh là do chị C ghen tuông nhưng theo chị C thì vợ chồng có lúc không hiểu nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V, chị C tại địa phương, trong đó ông Lê V Vọng là Trưởng thôn M và bà Lê Thị Thắm là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xác nhận: Vợ chồng anh V chị C không trình báo địa phương giải quyết vấn đề mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn thu thập lời khai của anh Đào V Tiếp (em ruột chị C) và anh Nguyễn V Vĩ (em ruột anh V) đều khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm xác định anh V chị C có mâu thuẫn nhưng chỉ là nghi ngờ nhất thời, không trầm trọng do vậy bác đơn yêu cầu xin ly hôn của anh V để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, sửa đổi, hòa hợp để cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc các con chung.

Sau khi án sơ thẩm xử, anh V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được ly hôn với chị C. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chưa đến mức trầm trọng nên chị không đồng ý ly hôn. Anh V trình bày, vợ chồng không thể chung sống với nhau nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình ra, anh V không đưa ra được căn cứ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của chị C và qua xác minh tại địa phương để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị C chưa tới mức trầm trọng và bác yêu cầu ly hôn của anh V là có căn cứ, cần được giữ nguyên.

[3] Án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Xuân V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân V. Giữ nguyên

quyết định bản án sơ thẩm số 28/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng các Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân V với chị Đào Thị C.

Án phí: Anh Nguyễn Xuân V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Xuân V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0000062 ngày 05/02/2020 và 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0002534 ngày 24/8/2020 cùng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuyết Mai**